

Các lô hàng dùng FedEx 10kg Box & 25kg Box

Vui lòng tham khảo Chỉ mục khu vực để biết phân loại khu vực chi tiết								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Quốc gia/Vùng lãnh thổ chính	Trung Quốc (khu vực phía Nam), Hồng Kông, Singapore	Trung Quốc (Không bao gồm khu vực Nam Trung Quốc), Nhật Bản, Đài Loan	Úc, Ấn Độ, New Zealand	Hoa Kỳ, Canada, Mexico	Đức, Pháp, Vương quốc Anh	Nga	Brazil, Chile	Nam Phi, Ả Rập Xê-út, Nigeria

Xuất khẩu

Việt Nam Giá cước xuất khẩu khuyến mãi

Dành cho các lô hàng International Priority Express

(Giá cước chưa bao gồm các khoản phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu được áp dụng).¹

Ngày có hiệu lực: 5 tháng 1 năm 2026

FedEx 10kg Box (41,5 x 34 x 27 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	3.365.600	4.725.000	4.724.700	6.945.700	6.760.700	9.259.200	9.837.100	9.557.200
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 10 kg và tối đa 20 kg	181.700	302.900	333.200	433.600	422.100	493.700	500.400	486.100
Lô hàng trên 20 kg: Áp dụng giá cước của 25kg Box.								
FedEx 25kg Box (56 x 44 x 35 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	5.183.300	7.754.300	8.057.200	11.282.300	10.981.700	14.196.200	14.841.400	14.418.600
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 25 kg và tối đa 44 kg	181.700	302.900	333.200	433.600	422.100	493.700	500.400	486.100

Chú thích:
¹ Thuế được áp dụng chưa bao gồm trong tất cả các giá cước.

- Ghi chú:**
- Giá cước trên không được chiết khấu thêm. Phụ phí nhiên liệu và các phí đặc biệt khác sẽ được áp dụng. Để biết thông tin về các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu, vui lòng tham khảo chi tiết tại trang [Phụ phí và thông tin khác](#).
 - Vui lòng sử dụng một vận đơn hàng không cho mỗi lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box.
 - Trọng lượng thực tế tối đa được khuyến nghị là 25 kg với FedEx 10kg Box và 44 kg với FedEx 25kg Box. Cước phí cao hơn sẽ được tính cho bất kỳ lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box nào có trọng lượng thực tế trên 44 kg. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng để biết thêm thông tin.
 - Không được gửi hàng hóa nguy hiểm bằng FedEx 10kg hoặc 25kg Box.
 - Giá cước đã công bố chỉ nhằm mục đích tham khảo và có thể khác với giá cước cuối cùng được tính trong hóa đơn thanh toán của bạn sau khi làm tròn, đồng thời giá cước trong hóa đơn thanh toán sẽ được áp dụng và là khoản phải trả.
 - IPE chỉ có ở các vùng có mã zip đã chọn. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng của chúng tôi để biết chi tiết về nơi nhận hàng.

Các lô hàng dùng FedEx 10kg Box & 25kg Box

Vui lòng tham khảo Chỉ mục khu vực để biết phân loại khu vực chi tiết								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Quốc gia/Vùng lãnh thổ chính	Trung Quốc (khu vực phía Nam), Hồng Kông, Singapore	Trung Quốc (Không bao gồm khu vực Nam Trung Quốc), Nhật Bản, Đài Loan	Úc, Ấn Độ, New Zealand	Hoa Kỳ, Canada, Mexico	Đức, Pháp, Vương quốc Anh	Nga	Brazil, Chile	Nam Phi, Ả Rập Xê-út, Nigeria

Xuất khẩu

Việt Nam Giá cước xuất khẩu khuyến mãi

Dành cho các lô hàng International Priority

(Giá cước chưa bao gồm các khoản phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu được áp dụng).¹

Ngày có hiệu lực: 5 tháng 1 năm 2026

FedEx 10kg Box (41,5 x 34 x 27 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	3.206.500	4.501.500	4.501.500	6.629.600	6.441.000	8.821.000	9.371.900	9.105.200
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 10 kg và tối đa 20 kg	173.100	288.500	317.400	413.900	402.100	470.400	476.700	463.100
Lô hàng trên 20 kg: Áp dụng giá cước của 25kg Box.								
FedEx 25kg Box (56 x 44 x 35 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	4.938.300	7.387.400	7.676.300	10.769.100	10.462.500	13.525.000	14.139.400	13.736.800
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 25 kg và tối đa 44 kg	173.100	288.500	317.400	413.900	402.100	470.400	476.700	463.100

ImportOne

Việt Nam Giá cước ImportOne

Dành cho các lô hàng International Priority

(Giá cước chưa bao gồm các khoản phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu được áp dụng).¹

Ngày có hiệu lực: 5 tháng 1 năm 2026

FedEx 10kg Box (41,5 x 34 x 27 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	3.774.000	4.966.500	4.966.500	7.655.400	7.509.700	10.283.900	10.752.200	10.547.200
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 10 kg và tối đa 20 kg	174.600	322.700	356.900	424.000	415.900	480.800	490.200	480.800
Lô hàng trên 20 kg: Áp dụng giá cước của 25kg Box.								
FedEx 25kg Box (56 x 44 x 35 cm)								
Khu vực	A	B	C	D	E	F	G	H
Giá cước cố định (VND)	5.520.700	8.194.000	8.536.100	11.896.100	11.669.600	15.092.700	15.654.300	15.355.800
Giá cước bổ sung mỗi kg trên 25 kg và tối đa 44 kg	174.600	322.700	356.900	424.000	415.900	480.800	490.200	480.800
- Đây là những mức giá đặc biệt và chỉ dành cho các khách hàng đã đăng ký dịch vụ FedEx ImportOne. Xem mục Thông tin khác để biết chi tiết. Với những khách hàng khác, giá cước xuất khẩu dựa trên quốc gia/vùng lãnh thổ nơi gửi hàng sẽ được áp dụng đối với các lô hàng nhập khẩu vào Việt Nam.								

Chú thích:
¹ Thuế được áp dụng chưa bao gồm trong tất cả các giá cước.

Ghi chú:

- Giá cước trên không được chiết khấu thêm. Phụ phí nhiên liệu và các phí đặc biệt khác sẽ được áp dụng. Để biết thông tin về các phí đặc biệt và phụ phí nhiên liệu, vui lòng tham khảo chi tiết tại trang [Phụ phí và thông tin khác](#).
- Vui lòng sử dụng một vận đơn hàng không cho mỗi lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box.
- Trọng lượng thực tế tối đa được khuyến nghị là 25 kg với FedEx 10kg Box và 44 kg với FedEx 25kg Box. Cước phí cao hơn sẽ được tính cho bất kỳ lô hàng dùng FedEx 10kg Box hoặc 25kg Box nào có trọng lượng thực tế trên 44 kg. Vui lòng liên hệ với bộ phận Dịch vụ khách hàng để biết thêm thông tin.
- Không được gửi hàng hóa nguy hiểm bằng FedEx 10kg hoặc 25kg Box.
- Giá cước đã công bố chỉ nhằm mục đích tham khảo và có thể khác với giá cước cuối cùng được tính trong hóa đơn thanh toán của bạn sau khi làm tròn, đồng thời giá cước trong hóa đơn thanh toán sẽ được áp dụng và là khoản phải trả.